|  |  |
| --- | --- |
|  | Hội sở chínhSố 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà NộiĐT: (84.4) 39288869 Fax: (84.4) 39288867Swift: VPBKVNVX Website:www.vpbank.com.vn |

# 

**GIẤY ĐĂNG KÝ THIẾT LẬP QUAN HỆ**

**CERTIFICATE OF ESTABLISHMENT OF RELATIONSHIP**

(Áp dụng với Khách hàng tổ chức có nhu cầu thiết lập quan hệ với VPBank)

*(Applicable to institutional customers who wish to establish a relationship with VPBank)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin Doanh nghiệp/*Business Information*\*** *(dấu (\*) là thông tin bắt buộc)/ (the (\*) is required)* | | | | |
| Tên tiếng Việt/*Vietnamese name*: ………………………………………………………………….……………………………………………………  Tên tiếng nước ngoài/*Foreign language name*: ………………………………………………………………………………………………  Tên viết tắt/Abbreviated name: ……………………………………………….…………………………………………………………………………………………  ĐKDN/ĐKKD/QĐTL/*Business registration/Establishment decision*: ……………………….…………………… ngày đăng ký thành lập/*Registration date:* ..…………/…………..…/……………….……  Nơi cấp/*Place of issue:* …………………………………………….……….……………, đăng ký thay đổi lần/*registration of change No:* …..…………… ngày/*date: ………..…………………………*  Quốc gia đăng ký/thành lập/*Country of registration/establishment*: ………………………………….…………… Mã số doanh nghiệp*/Business code number*: ……………………………….[[1]](#footnote-1)  ………………… Mã số thuế (nếu có)/*Tax code (if any)*: ………………………………….… Số định danh của tổ chức (nếu có)/*Organization identification number (if any)*: ……………………………………  Tình trạng cư trú/*Residency status*: ☐ Cư trú/Resident ☐ Không cư trú/*Non-resident*  Địa chỉ trụ sở chính /*Head office* address: …………………………………………………………………………………………………….………………  Địa chỉ giao dịch/*Business address*: ……………………………………………………………………………………………………………………………………  Số Điện thoại cố định/*Landline phone number*: …………………………………  Số Fax/*Fax number*: ……………………………………………..………..…………………………….  Số Điện thoại di động/*Telephone number*: …………………………………..…….  Email: ………………………………………………………………………………….………  (sử dụng để nhận các thông báo từ VPBank*)/(to receive notifications from VPBank)*  Trang thông tin điện tử (nếu có):/*Website (if any)* ………………………………………………………………………………….…………  Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh: /*Field of operation,* *business:* ………………………………………………………………….. | | | | |
| **Thông tin Người đại diện hợp pháp\*** | | | | |
| **Người đại diện theo**  **pháp luật/*Legal Representative by Law***    Họ và tên/*Full* name: *………………………………..……………*  Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth:* *…………………*  ☐Nam/*Male*  ☐Nữ/*Female*  Nghề nghiệp/*Occupation*: *………………….………………….*  Chức vụ/*Position*: *……….…………….………………………………*  Quốc tịch/*Nationality:* *………………………………………………*  Mã số thuế/*Tax number*: *…….…….……………………………*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp/*Identification information issued by a foreign competent authority* [[2]](#footnote-2)*:* ………………….  Loại, số Giấy tờ tùy thân/*Type, number* *Personal identification document*[[3]](#footnote-3): *……………………..*  *……..…..*[[4]](#footnote-4)  Ngày cấp/*Date of issue*: *…………………………………………*  Nơi cấp/*Place of issue*: *………………..….………………………*  Có giá trị đến/*Valid until*: ………………………………………..  Điện thoại/*Phone*: *…………………………..………………………..*  Email: *……………………………………………………………………………..* | | **Người đại diện theo ủy quyền (Nếu có)/*Authorized Representative (if any)***    Họ và tên/*Full* name: *………………………………..…………………*  Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*: *…………………….*  ☐Nam/*Male* ☐Nữ/*Female*  Nghề nghiệp/*Occupation*: *………………….……………………..*  Chức vụ/*Position*: *……….…………….……………………………………*  Quốc tịch/*Nationality*: *…………………………………………………*  Mã số thuế/*Tax number*: *…….…….………………………………..*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp/*Identification information issued by a foreign competent authority*[[5]](#footnote-5): …………………………………  Loại, số Giấy tờ tùy thân/*Type, number* *Personal identification document*[[6]](#footnote-6): *……………………………………………………………………..*[[7]](#footnote-7)  Ngày cấp/*Date of issue*: *……………………..…………………….*  Nơi cấp/*Place of issue*: *………………..….………………………..*  Có giá trị đến/*Valid until*: ……………………………………………  Điện thoại/*Phone*: *…………………………..………………………….…*  Email: *…………………………………………………………….…………………..* | |  | |
| Địa chỉ thường trú/*Address*: *……………………………………*  *……………………………………………………………………………………………*  Tình trạng cư trú/*Residency status*:  ☐ Cư trú/*Resident* ☐ Không cư trú/*Non-resident*  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam/*For foreigners residing in Vietnam*:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực/*Visa number/ Visa substitute document: ……………………*  ……………………………………………………………………………………………  Nơi cấp/*Place of issue*: *……………………………*………………..  Ngày hết hạn/*Date of issue*: *………………………………[[8]](#footnote-8)*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài/*Address of Registered Residence abroad:* ………………………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam/ *Address of Registered Residence in Vietnam:* ……………………….  ……………………………………………………………………………………………  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại/*For individuals with dual citizenship, please provide the following additional information regarding the other citizenship****:*  Quốc tịch/*Nationality*: ……………………………………………..  Số Hộ chiếu/*Passport number*: *……………………………..*  Ngày cấp/*Date of issue*: *……………………………..……….* Nơi cấp/*Place of issue*: *………………..….………*……………….  Ngày hết hạn hiệu lực/*Expiry date*: ………………….....  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại/*Residence address in the country of the other citizenship*: ………………………………………………………….. | | Địa chỉ thường trú/*Address*: *………………………………………*  *………………………………………………………………………………………………*  Tình trạng cư trú/*Residency status*:  ☐ Cư trú/*Resident*  ☐ Không cư trú/Non-resident  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam:/For foreigners residing in Vietnam:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực/Visa number/ Visa substitute document: *……………………….*  *………………*……………………………………………………………………………….  Nơi cấp/Place of issue: *……………………….……………………….*  Ngày hết hạn/Date of issue: *………………………………[[9]](#footnote-9)*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài/ Address of Registered Residence abroad………………………….  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam/ Address of Registered Residence in Vietnam: …………………………..  ……………………………………………………………………………………………….  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại/*For individuals with dual citizenship, please provide the following additional information regarding the other citizenship***:  Quốc tịch/*Nationality*: ………………………………………………….  Số Hộ chiếu/*Passport number*: *…………………………..……..*  Ngày cấp/*Date of issue*: *……………………………..…………*……  Nơi cấp/*Place of issue*: *………………..….…………………………..*  Ngày hết hạn hiệu lực:/Expiry date………………………….  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: /*Residence address in the country of the other citizenship*: ……………………………………………………………………….… | |
| **Chữ ký** **mẫu** **thứ nhất/*First Signature Sample*** | **Chữ ký mẫu thứ hai/*Second Signature Sample*** | **Chữ ký** **mẫu** **thứ nhất/*First Signature Sample*** | **Chữ ký mẫu thứ hai/*Second Signature Sample*** |
| **Thông tin Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán và người được ủy quyền/**  ***Chief Accountant/Accounting Officer and Authorized Person Information\**** | | | | |
| **Kế toán trưởng/ Phụ trách kế toán/Chief Accountant/Accounting Officer** | | **Người được ủy quyền (nếu có)/Authorized Person (if any)** | |
| Họ và tên/*Full name*: *………………………………..………………*  Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth*: *…………………*  ☐Nam/Male ☐Nữ/Female  Nghề nghiệp/*Occupation*: *………………….………………….*  Chức vụ/*Position*: *……….…………….……………………………….*  Quốc tịch/*Nationality*: *……………………………………………..*  Mã số thuế/*Tax number*: *…….…….……………………………*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp/*Identification information issued by a foreign competent authority* [[10]](#footnote-10): ……………………………  ……………………………………………………………………………………………  Loại, số Giấy tờ tùy thân/*Type, number* Personal identification document[[11]](#footnote-11): *……………………..*  *………………………………………………………………………………….……..*[[12]](#footnote-12)  Ngày cấp/Date of issue: *………………………………………...*  Nơi cấp/Place of issue: *………………..….………………………*  Có giá trị đến/*Valid until*: ……………………………………..…  Điện thoại/Phone: *…………………………..…………………………*  Email: *……………………………………………………………………….……*  Địa chỉ thường trú/Address: *………………………………….*  *…………………………………………………………………………………………..*  Tình trạng cư trú/*Residency status*:  ☐ Cư trú/*Resident* ☐ Không cư trú/*Non-resident*  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam/*For foreigners residing in Vietnam*:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực/*Visa number/ Visa substitute document*: *……………………*  *……………………………………………………………………………………………*  Nơi cấp/*Place of issue*: *……………………….……*  Ngày hết hạn/Date of issue: *………………………………[[13]](#footnote-13)*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài/ *Address of Registered Residence abroad*: …………………………..  …………………………………………………………………………………………  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam*/ Address of Registered Residence in Vietnam:* ………………………  …………………………………………………………………………………………..  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại/ *For individuals with dual citizenship, please provide the following additional information regarding the other citizenship***:…………………………………………………………………  Quốc tịch/*Nationality*: …………………………………………….  Số Hộ chiếu/*Passport* number: *………………………….*  Ngày cấp/*Date of issue*: *……………………………..……….* Nơi cấp/*Place of issue*: *………………..….………*  Ngày hết hạn hiệu lực/Expiry date: …………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại/Residence address in the country of the other citizenship: ………………………………………………………… | | Họ và tên/Full name: *………………………………..…………………*  Ngày, tháng, năm sinh/Date of birth: *………………*  ☐Nam/Male ☐Nữ/Female  Nghề nghiệp/Occupation: *………………….………………*  Chức vụ/Position: *……….…………….……………………………*  Quốc tịch/Nationality: *………………………………………….*  Mã số thuế/Tax number: *…….…….…………………………*  Thông tin định danh do CQ có thẩm quyền NN cấp/*Identification information issued by a foreign competent authority* [[14]](#footnote-14): …………………………………  ………………………………………………………………………………………………  Loại, số Giấy tờ tùy thân/*Type, number Personal identification document*[[15]](#footnote-15): *………………………………………..*  *…………………………………………………………………………………………….*[[16]](#footnote-16)  Ngày cấp/*Date of issue*: *……………………………………........*  Nơi cấp/Place of issue: *………………..….……………………...*  Có giá trị đến/*Valid until*: ……………………………………………  Điện thoại/*Phone*: *…………………………..………………………*  Email: *…………………………………………………………………….………*  Địa chỉ thường trú/Address: *………………………………………*  *……………………………………………………………………………………………….*  Tình trạng cư trú/*Residency status:*  ☐ Cư trú/*Resident* ☐ Không cư trú/*Non-resident*  **Đối với người nước ngoài cư trú tại Việt Nam/*For foreigners residing in Vietnam*:**  Số thị thực/ Giấy tờ thay thế thị thực:/*Visa number/* *Visa substitute document*: *…………….……*  *……………………………………………………………………………………………..*  Nơi cấp/Place of issue: *……………………….……*  Ngày hết hạn/Date of issue: *………………………………[[17]](#footnote-17)*  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở nước ngoài/ Address of Registered Residence abroad: ………………………….  ………………………………………………………………………………………………  Địa chỉ nơi ĐK cư trú ở Việt Nam/ *Address of Registered Residence in Vietnam:* ………………..  ………………………………………………………………………………………………  **Đối với cá nhân mang hai quốc tịch,bổ sung thêm các nội dung sau liên quan đến quốc tịch còn lại/ For individuals with dual citizenship, please provide the following additional information regarding the other citizenship**: …….  ………………………………………………………………………………………………  Quốc tịch/*Nationality*: ……………………………………………….  Số Hộ chiếu/*Passport number: ………………………….…..…*  Ngày cấp/*Date of issue*: *……………………………..……….* Nơi cấp/*Place of issue*: *………………..….………*  Ngày hết hạn hiệu lực/*Expiry date*: …………………..  Địa chỉ cư trú tại quốc gia mang quốc tịch còn lại: /*Residence address in the country of the other citizenship*: ……………………………………………………………………… | |
| **Chữ ký** **mẫu** **thứ nhất**  **/*First Signature Sample*** | **Chữ ký mẫu thứ hai/*Second Signature Sample*** | **Chữ ký** **mẫu** **thứ nhất**  **/*First Signature Sample*** | **Chữ ký mẫu thứ hai/*Second Signature Sample*** |
| **ĐĂNG KÝ MẪU DẤU/*Seal Registration*\*** | | | | |
| **Mẫu dấu/*Seal*** | | **Mẫu dấu/*Seal*** | |
|  | |  | |
| **Thông tin FATCA và các thông tin nhận biết khác của Khách hàng/*FATCA Information and Other Customer Identification Details*** | | | | |
| Chi tiết nội dung về thông tin FATCA và các thông tin nhận biết khác của Chúng tôi được cung cấp tại Phụ lục Nhận biết Khách hàng và thu thập thông tin FATCA đính kèm Giấy đăng ký này.  *Detailed information regarding our FATCA information and other identification details is provided in the Customer Identification and FATCA Information Collection Appendix attached to this Registration Form.* | | | | |
| **Cam Kết Của Khách Hàng/*Customer Commitment*** | | | | |
| 1. Đảm bảo các thông tin cung cấp cho VPBank là đầy đủ, chính xác và cập nhật/*Ensure that the information provided to VPBank is complete, accurate, and up-to-date.*  2. Chủ động cập nhật và thông báo cho VPBank khi có những thay đổi về thông tin đã cung cấp tại Giấy đăng ký này và (các) Phụ lục đính kèm hoặc cung cấp, cập nhật thông tin theo yêu cầu của VPBank (nếu có)/*Proactively update and inform VPBank of any changes to the information provided in this Registration Form and its attached Appendices, or provide and update information as required by VPBank (if applicable*).  3. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do gì mà thông tin kê khai trên đây không trung thực, hoặc không được cập nhật khi có sự thay đổi dẫn đến các thiệt hại cho Khách hàng thì Khách hàng cam kết chịu trách nhiệm và miễn trừ các nghĩa vụ đó đối với VPBank hoặc cam kết bồi hoàn cho VPBank nếu VPBank phải thay mặt Khách hàng thực hiện các nghĩa vụ đó hoặc bị ảnh thiệt hại từ chính việc cung cấp thông tin không trung thực của Khách hàng/*In case any information provided is inaccurate or not updated, leading to any damages to the Customer, the Customer commits to taking responsibility and exempting VPBank from such obligations or agrees to compensate VPBank if VPBank has to fulfill these obligations on behalf of the Customer or suffers damage due to the Customer’s provision of inaccurate information.*  4. Chúng tôi đã được VPBank thông báo về bản Điều khoản và Điều kiện về tuân thủ FATCA dành cho Khách hàng tổ chức trên website của VPBank (www.vpbank.com.vn) (“Điều khoản và Điều kiện FATCA”). Chúng tôi đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết tuân thủ đầy đủ các nội dung trong bản Điều khoản và Điều kiện FATCA này. Đồng thời, Chúng tôi đồng ý rằng VPBank có quyền thay đổi các nội dung của bản Điều khoản và Điều kiện FATCA trong từng thời kỳ mà không cần báo trước hoặc nhận được sự đồng ý của Chúng tôi/*We acknowledge that VPBank has informed us about the FATCA Compliance Terms and Conditions for corporate customers on VPBank’s website (*[*www.vpbank.com.vn*](http://www.vpbank.com.vn)*) (“FATCA Terms and Conditions”). We have read, understood, agreed to, and committed to fully comply with these FATCA Terms and Conditions. Additionally, we agree that VPBank may change the contents of these FATCA Terms and Conditions at any time without prior notice or our consent.*  5. Mẫu dấu được đăng ký tại Giấy đăng ký thiết lập quan hệ này đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hợp lệ theo quy định nội bộ của Chúng tôi. Chúng tôi cam kết chịu mọi trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu/*The seal registered in this Registration Form has been approved by the competent authority according to our internal regulations. We commit to taking full responsibility for the authenticity, accuracy, legality, cultural appropriateness, and potential for confusion of the seal, as well as any disputes arising from its management and use.*  6. Cho mục đích tuân thủ quy định pháp luật; mục đích xây dựng, hoàn thiện, phát triển các sản phẩm, dịch vụ và thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động hợp pháp khác của VPBank; và/hoặc mục đích tạo điều kiện để Chúng tôi có thể tiếp cận và sử dụng đa dạng các sản phẩm, dịch vụ do VPBank hoặc các bên liên quan, các đối tác khác cung cấp, Chúng tôi đồng ý rằng VPBank có thể sử dụng các thông tin cá nhân của Chúng tôi, thông tin từ các văn bản, tài liệu do Chúng tôi cung cấp và thông tin các giao dịch của Chúng tôi tại VPBank để cung cấp cho (i) các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật; (ii) các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng, đánh giá tín nhiệm, kiểm toán; (iii) các công ty con, công ty liên kết, công ty thành viên của VPBank; (iv) các đối tác kinh doanh, đối tác liên quan có hợp tác với VPBank để phát triển, cung cấp hoặc liên quan tới việc phát triển, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của VPBank; (v) các đại lý, nhà thầu hay các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ có ký kết hợp đồng, thỏa thuận với VPBank liên quan tới các hoạt động của VPBank; (vi) các cơ quan, chính phủ nước ngoài khi được Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam chấp thuận phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam hoặc các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia và/hoặc (vii) các bên liên quan khác mà VPBank thấy là cần thiết để đáp ứng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chúng tôi/*For legal compliance purposes; to build, improve, develop products, services, and conduct legal business activities of VPBank; and/or to facilitate our access to and use of various products and services provided by VPBank or related parties and partners, we agree that VPBank may use our personal information, information from documents provided by us, and our transaction information with VPBank to provide to: (i) Authorities requesting information according to legal regulations; (ii) Credit information service providers, credit assessment, auditing services; (iii) VPBank’s subsidiaries, affiliates, and member companies; (iv) Business partners and related parties cooperating with VPBank for the development, provision, or related activities for VPBank’s products and services; (v) Agents, contractors, or suppliers with contracts or agreements with VPBank related to VPBank’s activities; (vi) Foreign authorities when approved by competent Vietnamese authorities in accordance with Vietnamese laws or international commitments Vietnam participates in; and/or (vii) Other relevant parties that VPBank deems necessary to meet and protect our legal rights and interests.*  7. Nhằm đảm bảo được cung cấp thông tin kịp thời trong quá trình sử dụng sản phẩm/dịch vụ của VPBank, bằng việc khai báo các thông tin nêu trên và ký vào Giấy đăng ký thiết lập quan hệ này, Chúng tôi xác nhận đồng ý nhận thông tin, thông báo (bao gồm cả thông tin quảng cáo, khuyến mại) về các sản phẩm, dịch vụ, ưu đãi, chương trình, hoạt động,… của VPBank thông qua tin nhắn, thư điện tử, cuộc gọi điện thoại và các phương tiện khác được VPBank triển khai từng thời kỳ. Nếu từ chối nhận các thông tin nêu trên, Chúng tôi sẽ gọi đến hotline 1900234568 hoặc theo các phương thức khác được VPBank thông báo từng thời kỳ trên website chính thức của VPBank/*To ensure timely information provision during the use of VPBank’s products/services, by providing the above information and signing this Registration Form, we confirm our consent to receive information, notifications (including promotional and advertising information) about VPBank’s products, services, offers, programs, activities, etc., through messages, emails, phone calls, and other means implemented by VPBank from time to time. If we wish to decline receiving such information, we will call the hotline 1900234568 or use other methods notified by VPBank from time to time on VPBank’s official website.* | | | | |
| 8. Bằng việc ký Giấy đề nghị này, Chúng tôi với vai trò là Bên cung cấp dữ liệu cá nhân của bên thứ ba liên quan đến Chúng tôi (chẳng hạn như thông tin của người có liên quan, người đại diện theo pháp luật, người được ủy quyền, kế toán trưởng, đối tác liên hệ …. của Chúng tôi) xác nhận rằng/*By signing this Request Form, we, as the provider of third-party personal data related to us (such as information about related persons, legal representatives, authorized persons, chief accountants, contact partners, etc.), confirm that*: | | | | |
| 1. Chúng tôi đồng ý cho VPBank thu thập và thực hiện các hoạt động xử lý đối với Dữ liệu cá nhân của bên thứ ba đã, đang hoặc sẽ được Chúng tôi cung cấp cho VPBank **(“Dữ liệu cá nhân”)** trong quá trình đăng ký, sử dụng các dịch vụ, sản phẩm của Chúng tôi tại VPBank. Sự đồng ý này của Chúng tôi là tự nguyện trên cơ sở đã được VPBank cung cấp, thông báo đầy đủ thông tin, hiểu và biết rõ các nội dung về Loại Dữ liệu cá nhân được VPBank xử lý, Mục đích VPBank xử lý Dữ liệu cá nhân, Thông tin về tổ chức, cá nhân được xử lý Dữ liệu cá nhân & các tổ chức, cá nhân khác có liên quan, Cách thức xử lý, Hậu quả, thiệt hại không mong muốn có khả năng xảy ra, Thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc xử lý Dữ liệu cá nhân và các nội dung khác được quy định chi tiết tại các điều kiện giao dịch chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân của Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng các dịch vụ phi tín dụng áp dụng đối với Khách hàng tổ chức tại VPBank được VPBank công bố trên website (http://www.vpbank.com.vn), tại trụ sở địa điểm kinh doanh, phần mềm ứng dụng giao dịch trực tuyến trên Internet, điện thoại di động (nếu có) của VPBank (“**Bản điều kiện giao dịch chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân**”)/*We agree to allow VPBank to collect and process the third-party personal data we have provided, are providing, or will provide to VPBank (“****Personal Data****”) in the process of registering and using our services and products at VPBank. Our consent is voluntary, based on the information provided by VPBank, understanding the details regarding the types of Personal Data processed by VPBank, the purpose of processing Personal Data, information about the organizations or individuals processing Personal Data & other relevant parties, the processing method, potential unwanted consequences or damages, the start and end times of Personal Data processing, and other details outlined in the general terms of data protection in the General Terms of Service for non-credit services applicable to corporate customers at VPBank, published on VPBank’s website (*[*http://www.vpbank.com.vn*](http://www.vpbank.com.vn)*), at VPBank’s business headquarters, online transaction application software, and mobile phone (if applicable) (“****General Terms of Data Protection****”).* 2. Trong phạm vi yêu cầu của pháp luật Việt Nam có liên quan, Chúng tôi đã đạt được các điều kiện cần thiết để có được sự đồng ý và ủy quyền của tất cả các Chủ thể dữ liệu (là bên thứ ba nêu tại điểm a ở trên) có thể thay mặt Chủ thể dữ liệu thực hiện các thủ tục liên quan tới xử lý liệu Dữ liệu cá nhân với VPBank theo Giấy đề nghị này và Bản điều kiện giao dịch chung về bảo vệ dữ liệu cá nhân/*To the extent required by Vietnamese law, we have met the necessary conditions to obtain the consent and authorization of all data subjects (as mentioned in point a above) to act on their behalf in processing Personal Data with VPBank according to this Request Form and the General Terms of Data Protection*. | | | | |
| |  |  | | --- | --- | |  | *Ngày……………tháng…………năm…….……….*  *Date………… month………..year***Người đại diện theo pháp luật**  ***Legal Representative*** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*  *(Signature, seal, with full name)* | | | | | |
| **PHẦN DÀNH CHO VPBANK/*FOR VPBANK USE ONLY*** | | | | |
| Đồng ý mở CIF cho Khách hàng/*Mã CIF*: ………………………………  *Approved to open CIF for Customer/CIF Code*: …………………………… | | | | |
|  | | *Ngày……………tháng…………năm…….……….*  *Date………… month………..year* | |
| **Chuyên viên DVKH/CB QHKH**  ***Customer Service Specialist/Corporate Customer Relationship Office*r**  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  *(Signature and full name)* | | **Lãnh đạo DVKH/Lãnh đạo ĐVKD**  ***Head of Customer Service/Head of Business Unit***  *(Ký và ghi rõ họ tên)*  *(Signature and full name)* | |

**HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG MẪU BIỂU**

***FORM APPLICATION GUIDANCE***

1. **Trường hợp áp dụng mẫu biểu/*Applicability of the Form***

Áp dụng đối với Khách hàng chỉ mở CIF để sử dụng các sản phẩm/dịch vụ tại VPBank mà không đồng thời mở Tài khoản thanh toán/*This form is applicable for customers who are opening only a CIF to use products/services at VPBank without simultaneously opening a payment account.*

1. **Hướng dẫn sử dụng mẫu biểu/*Instructions for Using the Form***

Giấy đăng ký thiết lập quan hệ này được đính kèm với Phụ lục Nhận biết Khách hàng và thu thập thông tin Fatca/*The Registration Form for establishing a relationship should be accompanied by the Customer Identification and FATCA Information Collection Appendix.*

Giấy đăng ký thiết lập quan hệ và Phụ lục đính kèm được đóng dấu giáp lai bởi con dấu của Khách hàng và VPBank/*The Registration Form and its attached Appendices must be stamped and sealed by both the Customer and VPBank*.

Lưu ý: không xóa footnote khi in mẫu biểu/*Note: Do not delete the footnote when printing the form.*

1. Nếu trùng với số ĐKDN/ ĐKKD thì không cần điền/ *No need to fill in if the number matches the business registration number* [↑](#footnote-ref-1)
2. Nếu là người nước ngoài/*For foreigners* [↑](#footnote-ref-2)
3. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/*Personal identification documents are defined as follows*:

   **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND/ ***Vietnamese citizens:*** *Citizen Identity Card/Chip-based Citizen Identity Card/Electronic Citizen Identity Card/Identity Card*

   **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước/***People of Vietnamese origin with undetermined nationality****: Certificate of Identity*

   - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / ***Foreigners:*** *Passport or Electronic Identity*

   - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/*Stateless persons: Internationally valid travel document* [↑](#footnote-ref-3)
4. Lưu ý: ĐVKD sẽ điền số của loại giấy tờ tủy thân/*Note: The Business Unit will enter the number of the identification document*. [↑](#footnote-ref-4)
5. Nếu là người nước ngoài/*For foreigners* [↑](#footnote-ref-5)
6. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/*Personal identification documents are defined as follows*:

   **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND/ ***Vietnamese citizens:*** *Citizen Identity Card/Chip-based Citizen Identity Card/Electronic Citizen Identity Card/Identity Card*

   **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước/ ***People of Vietnamese origin with undetermined nationality****: Certificate of Identity*

   - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử /***Foreigners:*** *Passport or Electronic Identity*

   - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/*Stateless persons: Internationally valid travel document* [↑](#footnote-ref-6)
7. Lưu ý: ĐVKD sẽ điền số của loại giấy tờ tủy thân/*Note: The Business Unit will enter the number of the identification document*. [↑](#footnote-ref-7)
8. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/*Not applicable to cases exempt from visa requirements according to legal regulations* [↑](#footnote-ref-8)
9. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/*Not applicable to cases exempt from visa requirements according to legal regulations* [↑](#footnote-ref-9)
10. Nếu là người nước ngoài/ *For foreigners* [↑](#footnote-ref-10)
11. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/*Personal identification documents are defined as follows*

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND/ ***Vietnamese citizens:*** *Citizen Identity Card/Chip-based Citizen Identity Card/Electronic Citizen Identity Card/Identity Card*

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước*/* ***People of Vietnamese origin with undetermined nationality****: Certificate of Identity*

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / ***Foreigners:*** *Passport or Electronic Identity*

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/ *Stateless persons: Internationally valid travel document* [↑](#footnote-ref-11)
12. Lưu ý: ĐVKD sẽ điền số của loại giấy tờ tùy thân/ *Note: The Business Unit will enter the number of the identification document*. [↑](#footnote-ref-12)
13. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/*Not applicable to cases exempt from visa requirements according to legal regulations* [↑](#footnote-ref-13)
14. Nếu là người nước ngoài/ *For foreigners* [↑](#footnote-ref-14)
15. Giấy tờ tùy thân được xác định như sau/ *Personal identification documents are defined as follows*:

    **- Công dân Việt Nam:** Thẻ CCCD/Thẻ CC/ CC điện tử/ CMND/ ***Vietnamese citizens:*** *Citizen Identity Card/Chip-based Citizen Identity Card/Electronic Citizen Identity Card/Identity Card*

    **- Người gốc VN chưa xác định được quốc tịch**: Giấy chứng nhận căn cước/ ***People of Vietnamese origin with undetermined nationality****: Certificate of Identity*

    - **Người nước ngoài:** Hộ chiếu hoặc Danh tính điện tử / ***Foreigners:*** *Passport or Electronic Identity*

    - Người không quốc tịch: Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/ *Stateless persons: Internationally valid travel document* [↑](#footnote-ref-15)
16. Lưu ý: ĐVKD sẽ điền số của loại giấy tờ tủy thân/ *Note: The Business Unit will enter the number of the identification document*. [↑](#footnote-ref-16)
17. Không áp dụng với trường hợp được miễn thị thực theo quy định pháp luật/*Not applicable to cases exempt from visa requirements according to legal regulations* [↑](#footnote-ref-17)